

**TỔNG CÔNG TY XDCT
GIAO THÔNG 1 – CÔNG TY CP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **0513** /TCT-HĐQT
V/v: Công bố thông tin định kỳ trên
công thông tin điện tử của UBCKNN

Hà Nội, ngày **02** tháng **6** năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên công ty: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP

Trụ sở chính: 623 La Thành – phường Thành Công – Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại: 043.8350930

Fax: 043.7721232

Người thực hiện công bố thông tin: **Cán Hồng Lai**

Địa chỉ: Số 24A, ngõ 84, phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 0913203439 – 043.8350099

Fax: 043.7721232

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

1. Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 - Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP.
2. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1- Công ty CP.

(Chi tiết xem file đính kèm)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Tổng giám đốc;
- Trưởng BKS ;
- Website Cienco1;
- Lưu: QHCD, VP.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CHỦ TỊCH**



Cán Hồng Lai

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 40



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cán Hồng Lai	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2015) Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2015; Miễn nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2015)
Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2015; Miễn nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2015)
Ông Phạm Dũng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2015)
Ông Phạm Văn Diệt	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2015)
Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Ủy viên
Ông Phạm Việt Khoa	Ủy viên
Ông Vương Đức Thọ	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Quách Bá Vương	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2015)
Ông Cán Hồng Lai	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2015)
Ông Nguyễn Trường Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quang Dương	Phó Tổng Giám đốc (Nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01 tháng 3 năm 2015)
Ông Đào Việt Tiến	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2015)
Ông Vương Đức Thọ	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2015)
Ông Đinh Ngọc Đán	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 09 tháng 7 năm 2015)
Ông Nguyễn Duy Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Quách Bá Vương
Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 5 năm 2016

Số: *974* /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 05 tháng 5 năm 2016, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc độc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 40 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 06 tháng 6 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán độc lập đề ngày 30 tháng 3 năm 2015 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định xem số dư đầu kỳ có sai sót ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty xác định giá trị dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác dựa trên báo cáo tài chính của các đơn vị nhận đầu tư tại thời điểm gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được. Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các đơn vị này cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác để xác định giá trị dự phòng giảm giá đầu tư cần trích lập. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh giá trị dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa và xác định phần vốn Nhà nước tại ngày 06 tháng 6 năm 2014 do Tổng Công ty chưa có quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.

Tổng Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 06 tháng 6 năm 2014, theo đó không có số liệu so sánh tương ứng cho Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



[Signature]
Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 05 tháng 5 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

[Signature]
Trần Quang Huy
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1675-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.190.142.884.990	3.294.907.259.308
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	259.241.646.386	693.297.776.187
1. Tiền	111		162.421.143.305	508.753.071.199
2. Các khoản tương đương tiền	112		96.820.503.081	184.544.704.988
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		23.818.679.809	175.678.600.777
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	23.818.679.809	175.678.600.777
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.020.046.709.499	1.659.940.663.097
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.486.332.745.766	935.117.849.181
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	317.331.944.571	516.054.659.099
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	50.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	190.211.629.343	211.627.577.617
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(23.829.610.181)	(2.859.422.800)
IV. Hàng tồn kho	140	12	857.809.057.004	733.988.361.460
1. Hàng tồn kho	141		857.809.057.004	733.988.361.460
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.226.792.292	32.001.857.787
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	3.980.972.110	2.029.654.191
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.620.536.515	29.253.842.632
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	1.625.283.667	718.360.964

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		665.418.434.022	717.345.094.049
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		460.644.700	1.625.421.041
1. Phải thu dài hạn khác	216		460.644.700	1.625.421.041
II. Tài sản cố định	220		128.975.718.350	157.488.639.438
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	116.842.443.406	145.071.237.611
- Nguyên giá	222		358.676.450.862	354.411.591.684
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(241.834.007.456)	(209.340.354.073)
2. Tài sản cố định vô hình	227	16	12.133.274.944	12.417.401.827
- Nguyên giá	228		13.183.548.462	13.183.548.462
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.050.273.518)	(766.146.635)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		82.840.000	59.368.690.627
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		82.840.000	59.368.690.627
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	17	471.631.879.214	419.926.388.434
1. Đầu tư vào công ty con	251		46.936.423.257	93.194.609.766
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		230.948.758.506	261.051.886.418
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		271.351.121.438	64.259.892.250
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(77.604.423.987)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	1.420.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		64.267.351.758	78.935.954.509
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	64.267.351.758	78.935.954.509
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.855.561.319.012	4.012.252.353.357

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.068.937.519.557	3.232.041.814.752
I. Nợ ngắn hạn	310		2.791.590.829.331	3.149.801.257.398
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	1.674.247.883.602	1.280.485.662.999
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	441.171.050.847	1.184.312.461.028
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	129.594.048.371	148.571.890.467
4. Phải trả người lao động	314		57.294.079.874	43.428.797.839
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	141.283.501.863	101.147.197.066
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		664.461.250	1.069.617.733
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	210.764.102.979	202.049.461.474
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	103.042.112.380	144.278.257.498
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	30.850.927.335	39.620.611.631
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.678.660.830	4.837.299.663
II. Nợ dài hạn	330		277.346.690.226	82.240.557.354
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	14.877.699.500	25.832.182.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	229.743.085.257	18.790.980.000
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	32.725.905.469	37.617.395.354
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		786.623.799.455	780.210.538.605
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	786.623.799.455	780.210.538.605
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.333.588.483	8.333.588.483
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	1.691.222.348
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		78.290.210.972	70.185.727.774
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.031.338.955	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		77.258.872.017	70.185.727.774
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.855.561.319.012	4.012.252.353.357

Nguyễn Thị Bích Hạnh
 Người lập biểu

Ngày 05 tháng 5 năm 2016

Võ Thành Công
 Kế toán trưởng



Quách Bá Vương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

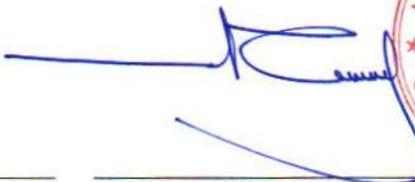
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	4.916.064.298.156
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		4.916.064.298.156
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	4.631.460.640.896
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		284.603.657.260
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	74.731.231.817
7. Chi phí tài chính	22	32	105.651.820.433
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.679.214.378
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	159.123.037.178
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		94.560.031.466
10. Thu nhập khác	31		10.363.596.046
11. Chi phí khác	32		8.684.499.408
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	34	1.679.096.638
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		96.239.128.104
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	18.980.256.087
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		77.258.872.017


Nguyễn Thị Bích Hạnh
 Người lập biểu


Võ Thành Công
 Kế toán trưởng


Quách Bá Vương
 Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 5 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

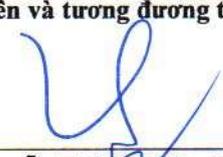
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

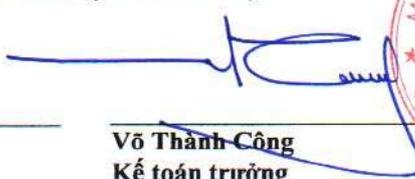
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	96.239.128.104
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định	02	36.611.899.088
Các khoản dự phòng	03	85.519.790.067
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(46.321.829.431)
Chi phí lãi vay	06	19.679.214.378
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	191.728.202.206
Thay đổi các khoản phải thu	09	(336.433.017.182)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(64.452.004.917)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(308.819.619.966)
Thay đổi chi phí trả trước	12	14.870.142.140
Tiền lãi vay đã trả	14	(20.174.623.936)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(25.551.613.133)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.164.776.341
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.711.990.302)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(554.379.748.749)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(9.063.575.364)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	690.842.422
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(50.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	151.859.920.968
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(191.560.380.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	89.006.663.187
7. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.521.437.577
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	25.454.908.790
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền thu từ đi vay	33	571.664.341.421
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(406.495.118.987)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(70.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	95.169.222.434
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(433.755.617.525)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	693.297.776.187
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(300.512.276)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	259.241.646.386


Nguyễn Thị Bích Hạnh
 Người lập biểu


Võ Thành Công
 Kế toán trưởng


Quách Bá Vương
 Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 5 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là "Tổng Công ty") là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1756/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy Chứng nhận doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0100104274, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2010.

Ngày 06 tháng 01 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 25/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1. Từ ngày 06 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 0100104274 thay đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 6 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.295 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 2.525 nhân viên).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ ô tô, xe máy, mô tô và xe động cơ khác) và thiết bị khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Thiết kế công trình cầu, đường bộ, công trình dân dụng và công nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đại lý giới thiệu việc làm, cung ứng và quản lý nguồn lao động, đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp, dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông, khảo sát trắc địa công trình, khảo sát địa chất nền móng công trình.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty, cụ thể như sau:

<u>STT</u>	<u>Tên đơn vị</u>	<u>Mô tả</u>
1	Công ty Thi công Cơ giới 1 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 509/TCCB-LĐ của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 15 tháng 8 năm 2001 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
2	Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP tại thành phố Hồ Chí Minh	Được thành lập theo Quyết định số 605/HĐQT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 04 tháng 12 năm 1999 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
3	Công ty Cung ứng Lao động quốc tế và Dịch vụ - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 2214/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ngày 30 tháng 7 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
4	Chi nhánh Tây Nguyên Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 1084/QĐ-HĐTV của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 26 tháng 11 năm 2000 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
5	Xí nghiệp Cầu 17 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 0476/QĐ-HĐTV-TCT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 03 tháng 11 năm 2009 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
6	Xí nghiệp Cầu 18 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 0418/QĐ-HĐQT-TCT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 30 tháng 9 năm 2011 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
7	Xí nghiệp xây dựng công trình Cienco1 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 0444/QĐ-HĐQT-TCT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 08 tháng 10 năm 2009 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
8	Công ty Xây dựng 123 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 0747/QĐ-HĐQT-TCT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 15 tháng 11 năm 2006 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Tên công ty con	Tỷ lệ	Tỷ lệ quyền	Hoạt động chính
		sở hữu	biểu quyết	
		%	%	
1	Công ty Cổ phần Cầu 12	51	51	Xây dựng công trình cầu
2	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng 121 - Cienco 1	51	51	Xây dựng dân dụng
3	Công ty Cổ phần Xây dựng Đường bộ 248 - Cienco 1 (*)	68	68	Xây dựng công trình đường bộ

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 39, ngày 22 tháng 01 năm 2016, Tổng Công ty đã hoàn thành việc bán số cổ phần đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Xây dựng Đường bộ 248 - Cienco 1 cho nhà đầu tư theo phương thức thỏa thuận trực tiếp.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Tỷ lệ	Tỷ lệ quyền	Hoạt động chính
		sở hữu	biểu quyết	
		%	%	
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 1	49	49	Xây dựng công trình cầu
2	Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư và Xây dựng 115- Cienco 1	21	21	Sản xuất vật liệu xây dựng
3	Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu và Xây dựng Công trình 119- Cienco 1	25	25	Sản xuất vật liệu xây dựng
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Thương mại 124	48	48	Xây dựng đường bộ
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 125	49	49	Sản xuất vật liệu xây dựng
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 128- Cienco 1	48	48	Xây dựng đường bộ
7	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 15- Cienco 1	45	45	Xây dựng công trình giao thông
8	Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì	28	28	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
9	Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	26	26	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - Cienco 1 (CIC)	44	44	Xây dựng dân dụng
11	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình 1 (i)	55	55	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
12	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Việt Nam	26	26	Tư vấn thiết kế cầu đường
13	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	25	25	Xây dựng dân dụng
14	Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu và Xây dựng Công trình 1	33	33	Sản xuất vật liệu xây dựng
15	Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn	24	24	Sản xuất xi măng
16	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Cienco 1 (ii)	19	19	Tư vấn thiết kế cầu đường

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình 1 là trên 50%. Tuy nhiên, Tổng Công ty không nắm quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình 1 do không chiếm đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá và quyết định trình bày khoản đầu tư vào công ty này trên khoản mục đầu tư vào công ty liên kết.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Cienco 1 dưới 20%. Tuy nhiên, Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể trong việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Cienco 1 do có thành viên trong Hội đồng Quản trị của công ty này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá và quyết định trình bày khoản đầu tư vào công ty này trên khoản mục đầu tư vào công ty liên kết.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") về hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu so sánh (số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) trên bảng cân đối kế toán đã được phân loại lại cho phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và không bao gồm các báo cáo tài chính của các công ty con. Để có cái nhìn tổng thể về tình hình tài chính của toàn Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập và phát hành riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, phải thu về cho vay, và các khoản đầu tư tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015 (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải	6 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 8

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng trong vòng 50 năm và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 50 năm.

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Tổng Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng bảo hành các công trình xây lắp được Tổng Công ty trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Mức trích lập dự phòng bảo hành công trình được xác định theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về nghĩa vụ bảo hành có thể phát sinh cho từng dự án hoàn thành nhưng không vượt quá 5% doanh thu lũy kế của dự án đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	11.734.066.863	20.712.132.562
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	150.687.076.442	488.040.938.637
Các khoản tương đương tiền (*)	96.820.503.081	184.544.704.988
	<u>259.241.646.386</u>	<u>693.297.776.187</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh số dư tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5% - 6,2%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Khu Quản lý giao thông đô thị số 02 - Cầu Rạch Chiếc	162.110.677.348	-
Liên danh Công ty GS - Công ty Hanshin - Cầu Vàm Cống	140.470.945.544	-
Ban quản lý Dự án 2 - Bộ Giao thông Vận tải - Gói thầu PK1C - QL3	127.869.330.790	124.211.976.330
Ban quản lý Dự án đường Hồ Chí Minh - Cầu Hòa Trung	126.366.608.000	-
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam - Gói EX19A	68.599.297.388	-
Công ty Hanshin E&C	62.630.500.070	50.636.289.228
Ban quản lý Dự án Cầu Ròng	54.945.427.268	100.027.966.765
Ban quản lý Dự án Đường sắt - Gói thầu CP1A	53.518.861.707	-
Các đối tượng khác	689.821.097.651	660.241.616.858
	<u>1.486.332.745.766</u>	<u>935.117.849.181</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (Chỉ tiết được trình bày tại Thuyết minh số 38)	21.668.849.024	6.865.345.236

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn Bộ Q.P	127.481.193.620	79.000.000.000
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8	14.873.737.183	27.989.325.755
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phúc Lộc	13.121.787.174	-
Công ty Cổ phần HASSYU Việt nam	334.713.002	67.639.751.764
Các đối tượng khác	161.520.513.592	341.425.581.580
	<u>317.331.944.571</u>	<u>516.054.659.099</u>

Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 38) **61.213.311.743** **38.145.588.033**

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Phải thu về cho vay ngắn hạn phản ánh khoản Công ty Xây dựng 123 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP cho Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn Bộ Q.P vay theo Công văn số 318/2015/CV-TS ngày 23 tháng 11 năm 2015 để thực hiện thỏa thuận liên danh, tham dự gói thầu xây lắp XL-01 thuộc Dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1. Khoản cho vay có thời hạn 3 tháng tính từ ngày bên cho vay chuyển tiền cho bên vay, lãi suất ước tính 7%/năm.

10. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	8.763.863.542	9.294.306.297
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	45.354.167	7.560.763.162
Phải thu người lao động	15.668.675.331	7.299.813.822
Tạm ứng cho tổ đội thi công	117.702.900.565	145.026.407.105
Ký cược, ký quỹ	6.072.702.817	2.279.851.348
Phải thu khác	41.958.132.921	40.166.435.883
	<u>190.211.629.343</u>	<u>211.627.577.617</u>

11. NỢ XẤU

Đối tượng	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khó có khả năng thu hồi	28.707.552.426	4.877.942.245	2.859.422.800	-
Công ty CP Xi măng Mai Sơn	14.808.588.245	558.588.245	-	-
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông Công chính	8.638.708.000	4.319.354.000	-	-
Các đối tượng khác	5.260.256.181	-	2.859.422.800	-

Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thận trọng và xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu dựa trên giá trị sổ sách trừ giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***12. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	24.297.178	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	30.489.805.799	-	30.255.011.234	-
Công cụ, dụng cụ	510.702.696	-	478.378.351	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	824.718.554.251	-	698.473.752.652	-
Thành phẩm	1.537.047.117	-	4.263.982.340	-
Hàng hoá	528.649.963	-	517.236.883	-
Cộng	857.809.057.004	-	733.988.361.460	-

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty không có công trình nào có số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang cao hơn giá trị có thể thu hồi được trong tương lai, do đó, không phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	636.632.587	1.273.753.479
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.344.339.523	755.900.712
	3.980.972.110	2.029.654.191
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	34.513.446.898	61.687.649.268
Chi phí thuê mặt bằng, tài sản	19.323.293.798	7.226.446.633
Chi phí trả trước dài hạn khác	10.430.611.062	10.021.858.608
	64.267.351.758	78.935.954.509

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chỉ tiêu	31/12/2014	Phát sinh trong năm		31/12/2015
		Số phải thu/ Số phải nộp	Số đã thu hoặc khấu trừ/Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	296.447.757	1.744.149.936	808.204.820	1.232.392.873
- Thuế GTGT đầu ra	296.447.757	1.744.149.936	808.204.820	1.232.392.873
Các loại thuế khác	421.913.207	426.854.109	455.876.522	392.890.794
- Thuế thu nhập cá nhân	39.997.350	426.854.109	73.960.665	392.890.794
- Thuế khác	381.915.857	-	381.915.857	-
Cộng	718.360.964	2.171.004.045	1.264.081.342	1.625.283.667
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	114.072.838.972	703.206.299.747	711.992.173.977	105.286.964.742
- Thuế GTGT đầu ra	114.072.838.972	703.206.299.747	711.992.173.977	105.286.964.742
Thuế nhập khẩu	-	528.781.800	528.781.800	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.747.961.108	18.980.256.087	25.551.613.133	18.176.604.062
Các loại thuế khác	5.983.089.122	2.305.981.552	3.648.630.071	4.640.440.603
- Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
- Thuế thu nhập cá nhân	4.236.630.101	1.361.691.503	3.258.076.820	2.340.244.784
- Thuế khác	1.746.459.021	937.290.049	383.553.251	2.300.195.819
Các khoản phải nộp khác	3.768.001.265	707.703.112	2.985.665.413	1.490.038.964
Cộng	148.571.890.467	725.729.022.298	744.706.864.394	129.594.048.371

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	102.844.158.326	177.519.857.050	67.505.299.488	6.542.276.820	354.411.591.684
Mua sắm mới	65.780.000	1.499.590.910	7.245.662.635	235.481.819	9.046.515.364
Tăng khác	-	-	96.000.000	66.181.818	162.181.818
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.529.292.560)	-	(4.529.292.560)
Giảm khác	-	(414.545.444)	-	-	(414.545.444)
Tại ngày 31/12/2015	102.909.938.326	178.604.902.516	70.317.669.563	6.843.940.457	358.676.450.862
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	45.292.454.095	116.203.849.988	43.322.717.434	4.521.332.556	209.340.354.073
Trích khấu hao trong năm	6.464.297.504	18.542.399.764	10.350.900.129	970.174.808	36.327.772.205
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.635.912.767)	-	(3.635.912.767)
Giảm khác	-	(198.206.055)	-	-	(198.206.055)
Tại ngày 31/12/2015	51.756.751.599	134.548.043.697	50.037.704.796	5.491.507.364	241.834.007.456
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	51.153.186.727	44.056.858.819	20.279.964.767	1.352.433.093	116.842.443.406
Tại ngày 31/12/2014	57.551.704.231	61.316.007.062	24.182.582.054	2.020.944.264	145.071.237.611

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 83.876.066.471 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 36.718.030.294 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, Tổng Công ty đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 17.296.777.147 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 21.338.133.205 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

16. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	13.113.548.462	70.000.000	13.183.548.462
Tại ngày 31/12/2015	13.113.548.462	70.000.000	13.183.548.462
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	696.146.635	70.000.000	766.146.635
Trích khấu hao trong năm	284.126.883	-	284.126.883
Tại ngày 31/12/2015	980.273.518	70.000.000	1.050.273.518
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	12.133.274.944	-	12.133.274.944
Tại ngày 31/12/2014	12.417.401.827	-	12.417.401.827

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng (*)	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	549.236.303.201	(77.604.423.987)	418.506.388.434	-
Đầu tư vào công ty con	46.936.423.257	-	93.194.609.766	-
Đầu tư vào công ty liên kết	230.948.758.506	(77.604.423.987)	261.051.886.418	-
Đầu tư vào đơn vị khác	271.351.121.438	-	64.259.892.250	-

(*) Dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính của các công ty liên kết và đơn vị nhận đầu tư dài hạn khác tại thời điểm gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng giá trị dự phòng giảm giá đầu tư tài chính mà Tổng Công ty đã trích lập sẽ không bị thay đổi trọng yếu nếu thu thập được đầy đủ báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của các đơn vị nhận đầu tư này.

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, do các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác nhận vốn đầu tư của Tổng Công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Tổng Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần HASSYU Việt Nam	77.109.081.092	-
Công ty Cổ phần Cầu 14	73.267.036.439	112.232.964.652
Công ty TNHH Thương Mại Thành An	45.247.421.000	-
Công ty TNHH Thương mại Đức Hiền	42.946.492.662	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	36.034.128.270	-
Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường ADCO	33.333.994.220	33.626.042.220
Các đối tượng khác	1.366.309.729.919	1.134.626.656.127
	<u>1.674.247.883.602</u>	<u>1.280.485.662.999</u>
Phải trả người bán các bên liên quan (Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 38)	47.457.531.486	60.261.151.353

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Ban quản lý dự án đường nối Thành phố Hạ Long với cầu Bạch Đằng	132.123.899.926	81.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT cầu Bạch Đằng	59.984.092.100	-
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV - Gói 7 (Đà Nẵng - Quảng Ngãi)	25.409.137.372	74.813.599.960
Liên danh Công ty GS - Công ty Hanshin - Cầu Vàm Cống	-	394.188.926.307
Công ty Cổ phần BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	-	104.382.774.192
Các đối tượng khác	223.653.921.449	529.927.160.569
	<u>441.171.050.847</u>	<u>1.184.312.461.028</u>
Người mua trả tiền trước các bên liên quan (Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 38)	79.793.834.127	131.837.003.359

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả về hợp đồng xây dựng	125.925.000.404	75.034.150.855
Chi phí lãi vay phải trả	5.117.249.938	11.394.708.871
Phí bảo lãnh ngân hàng	10.241.251.521	14.004.275.387
Các khoản khác	-	714.061.953
	<u>141.283.501.863</u>	<u>101.147.197.066</u>

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CPSố 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Phải trả cơ quan bảo hiểm, kinh phí công đoàn	21.172.902.508	15.634.885.053
Phải trả tổ đội thi công	61.531.424.663	53.509.595.609
Phải trả về cổ phần hóa (i)	18.613.286.330	18.198.556.166
Phải trả về xây dựng khách sạn Sơn La (ii)	62.442.476.156	59.377.009.156
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16.344.345.756	18.393.533.553
Các khoản khác	30.659.667.566	36.935.881.937
	<u>210.764.102.979</u>	<u>202.049.461.474</u>
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	14.877.699.500	25.832.182.000
	<u>14.877.699.500</u>	<u>25.832.182.000</u>

- (i) Phản ánh số tiền còn phải nộp Ngân sách Nhà nước liên quan đến cổ phần hóa Tổng Công ty.
- (ii) Phản ánh số tiền mà Tổng Công ty đã nhận từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La liên quan đến việc mua lại diện tích tầng hầm và 5 mặt sàn tại dự án Khách sạn Sơn La.

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ				
Vay ngắn hạn	144.278.257.498	144.278.257.498	356.207.247.081	404.252.427.199	96.233.077.380	96.233.077.380
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 24)	-	-	6.809.035.000	-	6.809.035.000	6.809.035.000
Cộng	144.278.257.498	144.278.257.498	363.016.282.081	404.252.427.199	103.042.112.380	103.042.112.380

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	96.233.077.380	144.278.257.498
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (i)	8.500.000.000	37.295.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội (i)	50.000.000.000	49.969.197.174
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (i)	33.346.724.168	47.155.269.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (i)	1.500.000.000	1.450.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	5.265.704.001
Vay ngắn hạn cá nhân (ii)	2.886.353.212	3.143.087.323
Vay dài hạn đến hạn trả	6.809.035.000	-
	<u>103.042.112.380</u>	<u>144.278.257.498</u>

- (i) Bao gồm các khoản vay được đảm bảo bằng các khoản phải thu, quyền đòi nợ và các nguồn thu hợp pháp từ các dự án của Tổng Công ty. Các khoản vay có thời gian vay đến 12 tháng và lãi suất vay dao động từ 6%/năm đến 7%/năm.
- (ii) Các khoản vay cá nhân có thời hạn dưới 12 tháng không có tài sản bảo đảm, lãi suất vay dao động từ 10%/năm đến 11%/năm.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Dự phòng phải trả phản ánh dự phòng bảo hành các công trình xây lắp được Tổng Công ty trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Mức trích lập dự phòng bảo hành công trình được xác định theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về nghĩa vụ bảo hành có thể phát sinh cho từng dự án hoàn thành nhưng không vượt quá 5% doanh thu lũy kế của dự án đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	18.790.980.000	18.790.980.000	223.142.065.257	5.380.925.000	236.552.120.257	236.552.120.257
Cộng	18.790.980.000	18.790.980.000	223.142.065.257	5.380.925.000	236.552.120.257	236.552.120.257
Trong đó:						
<i>Số phải trả trong vòng 12 tháng</i>	-	-			6.809.035.000	
<i>Số phải trả sau 12 tháng</i>	18.790.980.000				229.743.085.257	

Chi tiết các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (i)	129.568.059.217	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (ii)	7.042.680.000	9.390.240.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm (iii)	14.631.745.000	8.641.500.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (iv)	85.309.636.040	-
Vay dài hạn Cá nhân	-	759.240.000
	236.552.120.257	18.790.980.000

- (i) Ngày 18 tháng 4 năm 2015, Tổng Công ty ký hợp đồng tín dụng trung hạn với Ngân hàng TMCP Đông Nam Á với số tiền 160.000.000.000 VND để phục vụ đầu tư Dự án "Xây dựng Cầu Rạch Chiếc trên Đường vành đai phía đông Quận 9, TP Hồ Chí Minh". Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần và được hoàn trả trong tối đa 42 tháng bắt đầu từ ngày 04 tháng 02 năm 2015, ngày phát lệnh khởi công công trình. Khoản vay được bảo đảm bằng nguồn thu của Tổng Công ty tại dự án này.

- (ii) Các khoản vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 01/2013/HỆTDTDH-PN/SHB.HN-BT ngày 08 tháng 10 năm 2013, số tiền vay theo hợp đồng là 3.033.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, lãi suất vay trong hạn theo khế ước nhận nợ, điều chỉnh 03 tháng/lần. Khoản vay được sử dụng với mục đích mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh.

Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 02/2013/HỆTDTDH-PN/SHB.HN-BT ngày 14 tháng 11 năm 2013, số tiền vay theo hợp đồng là 8.704.800.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, lãi suất vay trong hạn theo khế ước nhận nợ, điều chỉnh 03 tháng/lần. Khoản vay được sử dụng với mục đích mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh.

Tài sản đảm bảo của hai khoản vay là hợp đồng tiền gửi của Tổng Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng tiền gửi số 08102013/SHB-Cienco 1 với số tiền là 21.400.000.000 VND và toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Giá trị còn lại của tài sản cố định sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 7.417.954.545 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 9.954.405.302 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

(iii) Các khoản vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo các hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 597.14.057.877888.TD ký ngày 26 tháng 6 năm 2014. Khoản vay có hạn mức tín dụng được cấp là 25.000.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất của khoản vay là lãi suất thả nổi, quy định tại mỗi giấy nhận nợ. Mục đích khoản vay nhằm thực hiện phát hành bảo lãnh thanh toán và tài trợ một phần chi phí mua mới thiết bị thi công phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 358.15.057.877888.TD ký ngày 06 tháng 5 năm 2015. Số tiền tín dụng được cấp là 380.000 USD (quy đổi VND tại thời điểm giải ngân, đồng tiền giải ngân là VND). Lãi suất của khoản vay là lãi suất thả nổi, quy định tại mỗi giấy nhận nợ. Mục đích khoản vay nhằm phát hành L/C kèm cho vay trung hạn thanh toán L/C để thực hiện phương án đầu tư Ván khuôn leo nhập khẩu từ Hàn Quốc theo hợp đồng mua bán ngày 10 tháng 4 năm 2015 ký giữa Chungdo Steel Co., Ltd và Công ty Thi công Cơ giới I.

Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc thiết bị của Tổng Công ty với giá trị còn lại của tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 9.878.822.602 VND (31 tháng 12 năm 2014: 11.383.727.903 VND).

(iv) Ngày 09 tháng 10 năm 2015, Tổng Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung hạn số 12215/360/TDTH với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt. Khoản vay có hạn mức tín dụng được cấp là 120.000.000.000 VND. Khoản vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần. Mục đích của khoản vay là tài trợ và phát hành bảo lãnh thanh toán để thực hiện gói thầu số 6 "Xây dựng cầu Hòa Trung". Khoản vay được bảo đảm bằng nguồn thu của Tổng Công ty tại dự án này.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	6.809.035.000	-
Trong năm thứ hai	27.613.749.010	4.195.560.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	72.561.277.030	14.595.420.000
	106.984.061.040	18.790.980.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (<i>được trình bày ở phần vay ngắn hạn</i>)	6.809.035.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	100.175.026.040	18.790.980.000
Khoản vay dài hạn chưa có lịch trả nợ cụ thể	129.568.059.217	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (*)	129.568.059.217	-

(*) Lịch thanh toán của khoản vay phụ thuộc vào nguồn phải thu từ dự án. Do đó, khoản vay không có lịch trả nợ cụ thể trong suốt quá trình vay (Chi tiết thông tin về khoản vay được trình bày tại mục (i)). Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khoản vay này có lịch thanh toán dài hạn; do đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định trình bày khoản vay này trên khoản mục "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn".

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***25. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 06/6/2014	700.000.000.000	-	-	-	-	700.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	84.561.117.732	84.561.117.732
Phân bổ vào các quỹ	-	4.228.055.870	4.228.055.870	1.691.222.348	(14.375.389.958)	(4.228.055.870)
Tặng/(Giảm) khác	-	-	(122.523.257)	-	-	(122.523.257)
Số dư tại ngày 01/01/2015	700.000.000.000	4.228.055.870	4.105.532.613	1.691.222.348	70.185.727.774	780.210.538.605
Trình bày lại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	-	4.105.532.613	(4.105.532.613)	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015 trình bày lại	700.000.000.000	8.333.588.483	-	1.691.222.348	70.185.727.774	780.210.538.605
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	77.258.872.017	77.258.872.017
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(760.500.000)	-	(760.500.000)
Phân loại về quỹ khen thưởng, phúc lợi (iii)	-	-	-	(85.111.167)	-	(85.111.167)
Tặng/(Giảm) khác (ii)	-	-	-	(845.611.181)	845.611.181	-
Số dư tại ngày 31/12/2015	700.000.000.000	8.333.588.483	-	-	78.290.210.972	786.623.799.455

- (i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2015 số 0161/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 5 năm 2015 về việc phân phối lợi nhuận năm 2014, Tổng Công ty đã tiến hành chia cổ tức năm 2014 bằng tiền mặt với số tiền 70.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty đã thanh toán toàn bộ 70.000.000.000 VND cho các cổ đông.
- (ii) Trong năm, Tổng Công ty tiến hành điều chỉnh lại các quỹ đã tạm trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm 2014 theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2015 số 0161/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 5 năm 2015, theo đó, điều chỉnh giảm quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối số tiền 845.611.181 VND.
- (iii) Trong năm, Tổng Công ty tiến hành phân loại lại các khoản thưởng Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát Tổng Công ty từ vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu sang quỹ khen thưởng, phúc lợi theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Cổ phiếu	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
+) Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
+) Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa và xác định phần vốn Nhà nước tại ngày 06 tháng 6 năm 2014 do chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100104274 và các chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 700.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	31/12/2015		31/12/2014	
	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%
1. Bộ Giao thông Vận tải	-	-	24.500.000	35
2. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình Ngầm Fecon	7.000.000	10	7.000.000	10
3. Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	4.767.694	7	4.737.914	7
4. Công ty Cổ phần Máy Xây dựng Hassyu	-	-	7.700.000	11
5. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Yên Khánh	20.003.534	29	12.303.534	18
6. Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	17.213.552	25	1.853.552	3
7. Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	6.990.000	10	-	-
8. Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An	4.900.000	7	-	-
9. Các cổ đông khác	9.125.220	12	11.905.000	17
	70.000.000	100	70.000.000	100

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	31/12/2014
Đô la Mỹ (USD)	101.928	9.668
Yên Nhật (JPY)	10.348.674	7.699.181

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Trong năm, Tổng Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, các loại hình kinh doanh khác chiếm tỷ trọng nhỏ. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh. Doanh thu, giá vốn theo từng loại hình kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 28 và số 29.

Tổng Công ty thực hiện dịch vụ thi công xây lắp các công trình chủ yếu ở các thị trường phía Bắc, khu vực thành phố Hồ Chí Minh và Tây Nguyên. Trong năm, Tổng Công ty có thực hiện dịch vụ xây lắp tại thị trường Campuchia với doanh thu khoảng hơn 10,9 tỷ VND - chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty. Do vậy, gần như toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý.

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>2015</u>
	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.916.064.298.156
<i>Trong đó:</i>	
- Doanh thu xây lắp	4.730.563.577.763
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	61.451.998.078
- Doanh thu khác	124.048.722.315
	<u>4.916.064.298.156</u>
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 38)	247.896.098.279

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>2015</u>
	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	4.498.622.442.922
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	43.701.346.957
Giá vốn khác	89.136.851.017
	<u>4.631.460.640.896</u>

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2015</u>
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.486.810.762.034
Chi phí nhân công	368.029.129.074
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.611.899.088
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.824.514.078.553
Chi phí khác bằng tiền	117.860.360.541
	<u>4.833.826.229.290</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015
	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.040.791.782
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.965.236.800
Lãi chênh lệch tỷ giá	28.188.200.214
Lãi chuyển nhượng đầu tư tài chính	19.533.867.246
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.135.775
	74.731.231.817

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015
	VND
Lãi tiền vay	19.679.214.378
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	218.066.397
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.348.949.987
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	77.604.423.987
Chi phí tài chính khác	3.801.165.684
	105.651.820.433

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015
	VND
Chi phí lương và khoản trích theo lương	85.374.647.587
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.218.165.461
Dự phòng phải thu khó đòi	20.970.187.381
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	40.560.036.749
	159.123.037.178

34. LỢI NHUẬN KHÁC

	2015
	VND
Thu nhập khác	10.363.596.046
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	6.044.039.745
Các khoản khác	4.319.556.301
Chi phí khác	8.684.499.408
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-
- Giá trị còn lại tài sản cố định và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	690.842.422
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(690.842.422)
Các khoản phạt vi phạm hợp đồng	167.603.826
Các khoản khác	8.516.895.582
	1.679.096.638

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>2015</u>
	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm nay	96.239.128.104
Lợi nhuận trước thuế	96.239.128.104
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	9.965.236.800
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	86.273.891.304
<i>Trong đó:</i>	
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chính và hoạt động khác	86.273.891.304
Thuế suất áp dụng cho hoạt động chính và hoạt động khác	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>18.980.256.087</u>

36. CÁC KHOẢN CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Tổng Công ty cam kết góp vốn thành lập Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì với số tiền 53.000.000.000 VND, chiếm 20% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty đã góp 45.532.400.000 VND.

Tổng Công ty cam kết góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC với số tiền 92.250.000.000 VND, chiếm 25% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty đã góp 40.000.000.000 VND.

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 và Thuyết minh số 23, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	332.785.197.637	163.069.237.498
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	259.241.646.386	693.297.776.187
Nợ thuần	73.543.551.251	-
Vốn chủ sở hữu	786.623.799.455	780.210.538.605
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,09</u>	<u>-</u>

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	259.241.646.386	693.297.776.187
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.818.679.809	175.678.600.777
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.519.803.833.732	993.185.204.112
Phải thu về cho vay	50.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	271.351.121.438	65.679.892.250
Tổng cộng	2.124.215.281.365	1.927.841.473.326
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	332.785.197.637	163.069.237.498
Phải trả người bán và phải trả khác	1.878.716.783.573	1.492.732.421.420
Chi phí phải trả	141.283.501.863	101.147.197.066
Tổng cộng	2.352.785.483.073	1.756.948.855.984

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)***

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	17.699.999.300	23.994.601.820
Yên Nhật (JPY)	-	-	4.081.102.217	1.401.744.437
Won Hàn Quốc (KRW)	-	-	148.186.146.187	6.608.937.346

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Won Hàn Quốc.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam thay đổi 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2015
	VND
Đô la Mỹ (USD)	884.999.965
Yên Nhật (JPY)	204.055.111
Won Hàn Quốc (KRW)	7.409.307.309

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng 6.655.703.953 VND.

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
		VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015		
VND	+200	(6.655.703.953)
VND	-200	6.655.703.953

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty đề đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty đề đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan và các khách hàng có số dư phải thu lớn. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan và khách hàng lớn như trình bày tại Thuyết minh số 7.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	259.241.646.386	-	259.241.646.386
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.818.679.809	-	23.818.679.809
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.519.343.189.032	460.644.700	1.519.803.833.732
Phải thu về cho vay	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	271.351.121.438	271.351.121.438
Tổng cộng	1.852.403.515.227	271.811.766.138	2.124.215.281.365
Các khoản vay	103.042.112.380	229.743.085.257	332.785.197.637
Phải trả người bán và phải trả khác	1.863.839.084.073	14.877.699.500	1.878.716.783.573
Chi phí phải trả	141.283.501.863	-	141.283.501.863
Tổng cộng	2.108.164.698.316	244.620.784.757	2.352.785.483.073
Chênh lệch thanh khoản thuần	(255.761.183.089)	27.190.981.381	(228.570.201.708)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	693.297.776.187	-	693.297.776.187
Đầu tư tài chính ngắn hạn	175.678.600.777	-	175.678.600.777
Phải thu khách hàng và phải thu khác	991.559.783.071	1.625.421.041	993.185.204.112
Đầu tư dài hạn khác	-	65.679.892.250	65.679.892.250
Tổng cộng	1.860.536.160.035	67.305.313.291	1.927.841.473.326
Các khoản vay	144.278.257.498	18.790.980.000	163.069.237.498
Phải trả người bán và phải trả khác	1.466.900.239.420	25.832.182.000	1.492.732.421.420
Chi phí phải trả	101.147.197.066	-	101.147.197.066
Tổng cộng	1.712.325.693.984	44.623.162.000	1.756.948.855.984
Chênh lệch thanh khoản thuần	148.210.466.051	22.682.151.291	170.892.617.342

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức có thể kiểm soát. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Danh sách các bên liên quan:***

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Yên Khánh	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình Ngầm Fecon	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	Cổ đông lớn
Các công ty còn lại khác như trình bày tại Thuyết minh số 1 - Thông tin khái quát	Công ty con, Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015
	VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	247.896.098.279
Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì	176.045.783.616
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	8.107.439.091
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - Cienco 1 (CIC)	440.996.603
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Đầu tư 120	331.989.415
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng 121 - Cienco1	80.241.970
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	53.868.935.844
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 15- Cienco 1	544.024.246
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 125	65.400.000
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	6.572.465.855
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Yên Khánh	1.838.821.639
Mua hàng hóa và dịch vụ cung cấp	242.635.548.567
Công ty Cổ phần Cầu 12	28.111.775.667
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Đầu tư 120	51.532.466.869
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng 121 - Cienco1	41.092.872.053
Công ty Cổ phần Xây dựng đường bộ 248 - Cienco1	2.463.418.731
Công ty Cổ phần Tư vấn Thí nghiệm Công trình Giao thông 1 - Cienco1	5.038.987.700
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 125	15.650.987.242
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 1	23.128.377.228
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - Cienco 1 (CIC)	30.728.078.133
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 15 - Cienco 1	6.453.322.288
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Cienco 1	1.750.514.535
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Thương mại 124	430.000.000
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	36.254.748.121
Góp vốn đầu tư	12.419.800.000
Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì	6.644.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	5.775.000.000
Thu nhập cổ tức	7.860.236.800
Công ty Cổ phần Cầu 12	2.944.920.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Thí nghiệm Công trình Giao thông 1-Cienco1	3.570.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Việt Nam	129.500.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 1- Cienco 1	296.240.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Giao thông 1	406.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng 121 - Cienco1	513.576.800
Chia cổ tức	50.445.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Yên Khánh	24.903.534.000
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	13.753.552.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình Ngầm Fecon	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	4.737.914.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	3.550.000.000
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	3.877.990.048

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:*

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng	21.668.849.024	6.865.345.236
Công ty Cổ phần Cầu 12	1.689.419.930	1.700.876.090
Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì	12.078.723.448	-
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	5.577.809.091	2.865.572.591
Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn	2.298.896.555	2.298.896.555
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	24.000.000	-
Người mua trả tiền trước	79.793.834.127	131.837.003.359
Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì	-	131.489.264.686
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	73.739.898.723	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng 121 - Cienco1	125.876.173	125.876.173
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	5.928.059.231	221.862.500
Các khoản phải trả người bán	47.457.531.486	60.261.151.353
Công ty Cổ phần Cầu 12	33.297.138.550	37.969.458.915
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng 121 - Cienco1	10.911.572.075	15.072.522.994
Công ty Cổ phần Xây dựng đường bộ 248 - Cienco1	784.902.179	50.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình 1	-	61.313.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Việt Nam	-	195.574.025
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình Ngầm Fecon	2.463.918.682	6.912.282.419
Trả trước cho người bán	61.213.311.743	38.145.588.033
Công ty Cổ phần Cầu 12	28.758.340.646	93.543.840
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng 121 - Cienco1	9.724.055.986	4.395.199.417
Công ty Cổ phần Xây dựng Đường bộ 248 - Cienco 1	734.902.179	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - Cienco 1 (CIC)	-	7.475.040.260
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình 1	1.297.813.223	1.088.007.271
Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn	13.307.691.690	13.307.691.690
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	7.390.508.019	11.786.105.555

39. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 09 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt Nghị quyết số 0428/QĐ-HĐQT về việc thoái toàn bộ vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xây dựng Đường bộ 248 - Cienco 1 ("Công ty 248"). Ngày 22 tháng 01 năm 2016, Tổng Công ty đã hoàn thành việc bán số cổ phần đang sở hữu tại Công ty 248 cho nhà đầu tư theo phương thức thỏa thuận trực tiếp.

Theo Công văn số 056/TCT-HĐQT ngày 15 tháng 01 năm 2016, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức 2015 cho cổ đông với giá trị 800 VND/cổ phiếu và sẽ chia cho các cổ đông từ ngày 20 tháng 01 năm 2016. Tổng Công ty chưa hạch toán khoản cổ tức được chia này vào báo cáo tài chính riêng năm nay. Mức cổ tức đề xuất sẽ được thanh toán cho các cổ đông theo Sổ Đăng ký thành viên tại ngày 15 tháng 01 năm 2016, tổng số cổ tức sẽ trả ước tính khoảng 56.000.000.000 VND.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 06 tháng 6 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.

Tổng Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 06 tháng 6 năm 2014, theo đó không có số liệu so sánh tương ứng cho Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của năm nay. Cụ thể như sau:

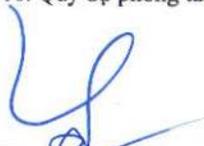
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

40. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			Theo TT 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014 (VND)	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014 (VND)	
I. Tài sản			I. Tài sản			
1. Đầu tư ngắn hạn	121	175.678.600.777	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	175.678.600.777	Đổi tên
2. Phải thu khách hàng	131	935.117.849.181	2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	935.117.849.181	Đổi tên
3. Trả trước cho người bán	132	516.054.659.099	3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	516.054.659.099	Đổi tên
4. Các khoản phải thu khác	135	122.170.271.206	4. Phải thu ngắn hạn khác	136	211.627.577.617	Phân loại lại và đổi tên
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	89.457.306.411	5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	- Phân loại lại và đổi tên
6. Phải thu dài hạn khác	218	-	6. Phải thu dài hạn khác	216	1.625.421.041	Phân loại lại và đổi tên
7. Đầu tư dài hạn khác	258	65.679.892.250	7. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	64.259.892.250	Phân loại lại và đổi tên
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		-	8. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	258	1.420.000.000	Phân loại lại và đổi tên
8. Tài sản dài hạn khác	268	1.625.421.041	9. Tài sản dài hạn khác	268	-	- Phân loại lại
II. Nguồn vốn			II. Nguồn vốn			
1. Phải trả người bán	312	1.280.485.662.999	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	1.280.485.662.999	Đổi tên
2. Người mua trả tiền trước	313	1.184.312.461.028	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.184.312.461.028	Đổi tên
3. Chi phí phải trả	316	178.385.204.051	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	101.147.197.066	Phân loại lại và đổi tên
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn	319	202.049.461.474	4. Phải trả ngắn hạn khác	319	202.049.461.474	Đổi tên
5. Doanh thu chưa thực hiện	338	1.069.617.733	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	1.069.617.733	Bổ sung khoản mục mới
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	39.620.611.631	Phân loại lại
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	7. Dự phòng phải trả dài hạn	342	37.617.395.354	Phân loại lại
8. Vốn điều lệ	411	700.000.000.000	8. Vốn góp của chủ sở hữu	411	700.000.000.000	Đổi tên
9. Quỹ đầu tư phát triển	417	4.228.055.870	9. Quỹ đầu tư phát triển	418	8.333.588.483	Phân loại lại và đổi tên
10. Quỹ dự phòng tài chính	418	4.105.532.613	<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			Phân loại lại


Nguyễn Thị Bích Hạnh
 Người lập biểu

Ngày 05 tháng 5 năm 2016


Võ Thành Công
 Kế toán trưởng


Quách Bá Vương
 Tổng Giám đốc



**TỔNG CÔNG TY XDCT
GIAO THÔNG 1 – CÔNG TY CP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **0513** /TCT-HĐQT
V/v: Công bố thông tin định kỳ trên
công thông tin điện tử của UBCKNN

Hà Nội, ngày **02** tháng **6** năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên công ty: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP

Trụ sở chính: 623 La Thành – phường Thành Công – Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại: 043.8350930

Fax: 043.7721232

Người thực hiện công bố thông tin: Cán Hồng Lai

Địa chỉ: Số 24A, ngõ 84, phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 0913203439 – 043.8350099

Fax: 043.7721232

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

1. Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 - Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP.
2. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1- Công ty CP.

(Chi tiết xem file đính kèm)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Tổng giám đốc;
- Trưởng BKS ;
- Website Cienco1;
- Lưu: QHCD, VP.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CHỦ TỊCH**



Cán Hồng Lai

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cán Hồng Lai	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2015)
	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2015; Miễn nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2015)
Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2015; Miễn nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2015)
Ông Phạm Dũng	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2015)
Ông Phạm Văn Diệt	Phó Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2015)
Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Ủy viên	
Ông Phạm Việt Khoa	Ủy viên	
Ông Vương Đức Thọ	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Quách Bá Vương	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 14 tháng 10 năm 2015)
Ông Cán Hồng Lai	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm từ ngày 14 tháng 10 năm 2015)
Ông Nguyễn Trường Long	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Quảng Dương	Phó Tổng Giám đốc	(Nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01 tháng 3 năm 2015)
Ông Đào Việt Tiến	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 14 tháng 10 năm 2015)
Ông Vương Đức Thọ	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 14 tháng 10 năm 2015)
Ông Đinh Ngọc Đán	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 09 tháng 7 năm 2015)
Ông Nguyễn Duy Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Quách Bá Vương
Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 5 năm 2016

12/1
V
H
O
I
T
1125
H
N
L
O
T
A - T

Số: *975* /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 05 tháng 5 năm 2016, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 41 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Tổng Công ty lập cho mục đích cung cấp thêm thông tin và đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán độc lập đề ngày 31 tháng 3 năm 2015 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định xem liệu số dư đầu kỳ có sai sót ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty hay không.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

100 - C
TY
HỮU HẠN
TE
AM
P. HẠ

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết đối với Báo cáo tài chính của các công ty liên kết của Tổng Công ty. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hay không khi hợp nhất số liệu báo cáo tài chính của công ty liên kết này theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Cầu 12 - Cienco 1 (Công ty con của Tổng Công ty) với tổng tài sản và tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp lần lượt là 667.592.058.830 VND và 12.579.545.856 VND đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết, cũng như không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế đối với Báo cáo tài chính của công ty con này. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hay không khi hợp nhất báo cáo tài chính của công ty con này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 26 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa và xác định phần vốn Nhà nước tại ngày 06 tháng 6 năm 2014 do Tổng Công ty chưa có quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 05 tháng 5 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Quang Huy
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1675-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.935.546.961.890	4.288.480.813.385
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	311.945.632.907	846.678.829.415
1. Tiền	111		207.432.134.749	662.134.124.427
2. Các khoản tương đương tiền	112		104.513.498.158	184.544.704.988
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	23.818.679.809	181.694.857.382
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		23.818.679.809	181.694.857.382
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.504.786.839.503	2.283.591.194.166
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.858.493.457.617	1.498.420.914.295
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	348.751.458.032	485.060.332.800
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	54.447.628.560
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	50.000.000.000	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	306.125.759.813	292.627.966.888
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(58.583.835.959)	(46.965.648.377)
IV. Hàng tồn kho	140	12	1.062.805.070.877	923.523.105.032
1. Hàng tồn kho	141		1.062.805.070.877	923.523.105.032
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		32.190.738.794	52.992.827.390
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	6.165.916.044	21.699.656.765
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		24.223.347.648	30.377.146.114
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	1.801.475.102	916.024.511

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		714.826.959.862	716.994.718.501
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		565.331.700	1.989.383.041
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		104.687.000	104.687.000
2. Phải thu dài hạn khác	216		460.644.700	1.884.696.041
II. Tài sản cố định	220		206.359.032.327	241.860.978.749
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	192.830.910.882	228.031.918.669
- Nguyên giá	222		614.107.364.660	661.744.302.702
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(421.276.453.778)	(433.712.384.033)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	3.657.359.307
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(3.657.359.307)
3. Tài sản cố định vô hình	227	16	13.528.121.445	13.829.060.080
- Nguyên giá	228		15.468.389.968	15.468.389.968
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.940.268.523)	(1.639.329.888)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		286.156.874	60.984.320.046
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		286.156.874	60.984.320.046
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		421.941.394.285	321.174.676.305
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17	150.590.272.847	255.140.799.647
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	18	271.351.121.438	64.613.876.658
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	18	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	1.420.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		85.675.044.676	90.985.360.360
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	79.376.001.417	80.684.106.371
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.851.272.654	-
3. Lợi thế thương mại	269		3.447.770.605	10.301.253.989
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.650.373.921.752	5.005.475.531.886

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.807.621.877.615	4.143.569.929.180
I. Nợ ngắn hạn	310		3.516.318.326.000	4.053.067.401.379
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	1.863.304.083.861	1.468.195.013.127
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	571.166.952.198	1.372.810.772.205
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	198.346.207.635	265.323.449.898
4. Phải trả người lao động	314		88.535.890.330	67.300.387.033
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	155.080.239.186	121.523.248.926
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	61.620.355.073
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		14.920.824.519	1.298.281.578
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	313.096.086.865	346.437.394.325
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	273.966.144.186	301.836.067.310
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24	33.005.973.446	39.032.872.114
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.895.923.774	7.689.559.790
II. Nợ dài hạn	330		291.303.551.615	90.502.527.801
1. Phải trả dài hạn khác	337	22	19.007.142.889	31.845.143.470
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25	239.570.503.257	18.942.473.186
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	32.725.905.469	39.620.611.631
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	94.299.514
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		842.752.044.137	861.905.602.706
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	842.752.044.137	861.905.602.706
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		100.519.210	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.247.055.412	8.333.588.483
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.175.365.531	1.691.222.348
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		72.604.419.857	79.770.675.966
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		(1.087.431.475)	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		73.691.851.332	79.770.675.966
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		54.624.684.127	72.110.115.909
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		4.650.373.921.752	5.005.475.531.886

Nguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập biểu

Ngày 05 tháng 5 năm 2016

Võ Thành Công
Kế toán trưởng

Quách Bá Vương
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	5.788.937.425.078	5.845.869.756.599
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	286.569.241	2.106.292.789
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		5.788.650.855.837	5.843.763.463.810
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	5.395.264.118.120	5.474.387.460.229
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		393.386.737.717	369.376.003.581
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	71.534.171.704	72.728.420.374
7. Chi phí tài chính	22	33	46.990.640.926	54.041.655.348
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		36.840.203.085	33.938.095.451
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(72.670.208.788)	(5.558.584.212)
9. Chi phí bán hàng	25		-	110.712.102
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	225.725.682.262	244.156.066.348
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		119.534.377.445	138.237.405.945
12. Thu nhập khác	31		17.481.960.294	31.714.017.371
13. Chi phí khác	32		23.044.262.858	37.126.006.893
14. (Lỗ) khác (40=31-32)	40	35	(5.562.302.564)	(5.411.989.522)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		113.972.074.881	132.825.416.423
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		28.129.306.626	32.093.131.575
17. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(2.851.272.654)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		88.694.040.909	100.732.284.848
18.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		76.754.787.227	91.685.738.290
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		11.939.253.682	9.046.546.558
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	1.096	1.299

Nguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập biểu

Ngày 05 tháng 5 năm 2016

Võ Thành Công
Kế toán trưởng

Quách Bá Vương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>113.972.074.881</i>	<i>132.825.416.423</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	50.842.581.448	52.625.424.349
Các khoản dự phòng	03	(4.145.624.073)	(6.750.076.398)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	296.594.363
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(41.334.347.092)	(72.625.708.638)
Chi phí lãi vay	06	36.840.203.085	33.938.095.451
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>156.174.888.249</i>	<i>140.309.745.550</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(145.775.565.096)	60.218.742.547
Thay đổi hàng tồn kho	10	(79.913.275.218)	501.436.113.674
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(522.746.889.914)	6.989.981.485
Thay đổi chi phí trả trước	12	7.730.617.012	125.740.014.439
Tiền lãi vay đã trả	14	(42.457.650.989)	(33.938.095.451)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(34.860.668.624)	(10.284.707.743)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.164.776.341	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.711.990.302)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(667.395.758.541)</i>	<i>790.471.794.501</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản	21	(20.112.121.274)	(19.353.082.570)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	690.842.422	4.472.960.832
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(50.000.000.000)	(425.689.564.160)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	157.876.177.573	301.774.765.449
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(191.560.380.000)	(250.423.200.777)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	89.006.663.187	219.260.348.120
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	28.342.713.454	69.448.103.433
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>14.243.895.362</i>	<i>(100.509.669.673)</i>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

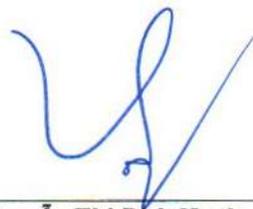
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	362.230.240.337
2. Tiền thu từ đi vay	33	933.416.413.865	35.808.312.734
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(740.658.306.918)	(718.940.665.289)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(74.038.928.000)	(7.417.448.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>118.719.178.947</i>	<i>(328.319.560.218)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(534.432.684.232)	361.642.564.610
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	846.678.829.415	485.036.264.805
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(300.512.276)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	311.945.632.907	846.678.829.415



Nguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập biểu

Ngày 05 tháng 5 năm 2016



Võ Thành Công
Kế toán trưởng



Quách Bá Vương
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là "Tổng Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1756/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy Chứng nhận doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0100104274, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2010.

Ngày 06 tháng 01 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 25/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1. Từ ngày 06 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 0100104274 thay đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 6 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ - Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.295 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 2.525 nhân viên).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ ô tô, xe máy, mô tô và xe động cơ khác) và thiết bị khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Thiết kế công trình cầu, đường bộ, công trình dân dụng và công nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đại lý giới thiệu việc làm, cung ứng và quản lý nguồn lao động, đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp, dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông, khảo sát trắc địa công trình, khảo sát địa chất nền móng công trình;

Hoạt động chính của Tổng Công ty là xây dựng công trình đường sắt, đường bộ và công trình cầu.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty chủ yếu được thực hiện trong thời gian lớn hơn 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CPSố 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có 03 công ty con. Chi tiết các công ty con và tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các công ty con như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Cầu 12 - Cienco 1	Hà Nội	51	Xây dựng công trình cầu
2	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng 121 - Cienco 1	Hà Nội	51	Xây dựng dân dụng
3	Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Đường bộ 248 - Cienco 1	Hà Nội	68	Xây dựng công trình đường bộ

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 1	Hà Nội	49	Xây dựng công trình cầu
2	Công ty Cổ phần Phát triển, Đầu tư và Xây dựng 115 - Cienco 1	Hà Nội	21	Sản xuất vật liệu xây dựng
3	Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu và Xây dựng Công trình 119 - Cienco 1	Hà Nội	25	Sản xuất vật liệu xây dựng
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Thương mại 124	Hà Nội	48	Xây dựng đường bộ
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 125	Thanh Hóa	49	Sản xuất vật liệu xây dựng
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 128 - Cienco 1	Hà Nội	48	Xây dựng đường bộ
7	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 15 - Cienco 1	Hà Nội	45	Xây dựng công trình giao thông
8	Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì	Phú Thọ	28	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
9	Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	TP.Hồ Chí Minh	26	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - Cienco 1 (CIC)	Hà Nội	44	Xây dựng dân dụng
11	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình 1 (i)	Đắk Lắk	55	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
12	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Việt Nam	Hà Nội	26	Tư vấn thiết kế cầu đường
13	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	Hà Nội	25	Xây dựng dân dụng
14	Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu và Xây dựng Công trình 1	Hà Nội	33	Sản xuất vật liệu xây dựng
15	Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn	Sơn La	24	Sản xuất xi măng
16	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Cienco 1 (ii)	Hà Nội	19	Tư vấn thiết kế cầu đường

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình 1 là trên 50%. Tuy nhiên, Tổng Công ty không nắm quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình 1 do không chiếm đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị của công ty này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá và quyết định trình bày khoản đầu tư vào công ty này trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Cienco 1 là dưới 20%. Tuy nhiên, Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể trong việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Cienco 1 do có thành viên trong Hội đồng Quản trị của công ty này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá và quyết định trình bày khoản đầu tư vào công ty này trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu so sánh (số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) trên bảng cân đối kế toán hợp nhất đã được phân loại lại cho phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Tổng Công ty và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, phải thu về cho vay ngắn hạn, và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015
	(Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc và thiết bị	3 - 13
Phương tiện vận tải	4 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích là 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Tổng Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng bảo hành các công trình xây lắp được Tổng Công ty trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Mức trích lập dự phòng bảo hành công trình được xác định theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về nghĩa vụ bảo hành có thể phát sinh cho từng dự án hoàn thành nhưng không vượt quá 5% doanh thu lũy kế của dự án đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	24.207.119.682	27.939.156.440
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	183.225.015.067	629.955.197.987
Tiền đang chuyển	-	4.239.770.000
Các khoản tương đương tiền (i)	104.513.498.158	184.544.704.988
	<u>311.945.632.907</u>	<u>846.678.829.415</u>

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CPSố 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh số dư tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5% - 6,2%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Khu Quản lý giao thông đô thị số 02 - Cầu Rạch Chiếc	162.110.677.348	-
Liên danh Công ty GS - Công ty Hanshin - Cầu Vàm Cống	140.470.945.544	-
Ban quản lý Dự án 2 - Bộ Giao thông Vận tải - Gói thầu PK1C - QL3	127.869.330.790	124.211.976.330
Ban quản lý Dự án đường Hồ Chí Minh - Cầu Hòa Trung	126.366.608.000	-
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam - Gói EX19A	68.599.297.388	-
Công ty Hanshin E&C	62.630.500.070	50.636.289.228
Ban quản lý Dự án Cầu Rồng	54.945.427.268	100.027.966.765
Ban quản lý Dự án Đường sắt - Gói thầu CP1A	53.518.861.707	-
Các đối tượng khác	1.061.981.809.502	1.223.544.681.972
	<u>1.858.493.457.617</u>	<u>1.498.420.914.295</u>
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 39)	19.979.429.094	5.164.469.146

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn Bộ Q.P	127.481.193.620	79.000.000.000
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8	14.873.737.183	27.989.325.755
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phúc Lộc	13.121.787.174	-
Công ty Cổ phần HASSYU Việt nam	334.713.002	67.639.751.764
Các đối tượng khác	192.940.027.053	310.431.255.281
	<u>348.751.458.032</u>	<u>485.060.332.800</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 39)	21.996.012.932	33.656.844.776

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Phải thu về cho vay ngắn hạn phản ánh khoản Công ty Xây dựng 123 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP cho Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn Bộ Q.P vay theo Công văn số 318/2015/CV-TS ngày 23 tháng 11 năm 2015 để thực hiện thỏa thuận liên danh, tham dự gói thầu xây lắp XL-01 thuộc Dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1. Khoản cho vay có thời hạn 3 tháng tính từ ngày bên cho vay chuyển tiền cho bên vay, lãi suất ước tính 7%/năm.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	10.702.477.213	11.250.168.568
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	45.354.167	7.560.763.162
Phải thu người lao động	51.356.950.144	54.508.837.902
Tạm ứng cho tổ đội thi công	154.061.452.253	163.449.590.539
Ký cược, ký quỹ	12.955.293.020	4.981.855.935
Phải thu khác	77.004.233.016	50.876.750.782
	<u>306.125.759.813</u>	<u>292.627.966.888</u>

11. NỢ XẤU

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khó có khả năng thu hồi	63.461.778.204	4.877.942.245	46.965.648.377	-
Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn	14.808.588.245	558.588.245	-	-
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông Công chính	8.638.708.000	4.319.354.000	-	-
Các đối tượng khác	40.014.481.959	-	46.965.648.377	-

Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thận trọng và xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu dựa trên giá trị sổ sách trừ giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

12. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	24.297.178	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	38.447.591.885	-	36.368.542.504	-
Công cụ, dụng cụ	1.108.763.283	-	1.479.880.247	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.021.158.721.551	-	880.747.642.495	-
Thành phẩm	1.537.047.117	-	4.409.802.903	-
Hàng hoá	528.649.863	-	517.236.883	-
Cộng	<u>1.062.805.070.877</u>	<u>-</u>	<u>923.523.105.032</u>	<u>-</u>

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty không có công trình nào có số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang cao hơn giá trị có thể thu hồi được trong tương lai, do đó, không phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CPSố 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ phân bổ	2.184.943.934	19.560.067.315
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.980.972.110	2.139.589.450
	6.165.916.044	21.699.656.765
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ phân bổ	33.727.619.577	61.687.649.268
Chi phí trả trước về thuê tài sản	35.217.770.778	7.226.446.633
Chi phí trả trước dài hạn khác	10.430.611.062	11.770.010.470
	79.376.001.417	80.684.106.371

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	31/12/2014	Phát sinh trong năm			31/12/2015
		Số phải nộp	Số đã nộp	(Giảm) do thoái vốn	
	VND	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu					
Thuế giá trị gia tăng	388.046.541	1.744.149.936	808.204.820	-	1.323.991.657
- Thuế GTGT đầu ra	388.046.541	1.744.149.936	808.204.820	-	1.323.991.657
Thuế nhập khẩu	84.592.651	-	-	-	84.592.651
Các loại thuế khác	421.913.207	426.854.109	455.876.522	-	392.890.794
Thuế thu nhập cá nhân	39.997.350	426.854.109	73.960.665	-	392.890.794
Thuế khác	381.915.857	-	381.915.857	-	-
Các khoản phải nộp khác	21.472.112	-	-	(21.472.112)	-
Nộp khác	21.472.112	-	-	(21.472.112)	-
Cộng	916.024.511	2.171.004.045	1.264.081.342	(21.472.112)	1.801.475.102
b) Các khoản phải trả					
Thuế giá trị gia tăng	194.829.906.328	795.446.152.652	840.882.461.963	(8.331.812.223)	141.061.784.794
- Thuế GTGT đầu ra	194.829.906.328	795.446.152.652	840.882.461.963	(8.331.812.223)	141.061.784.794
Thuế nhập khẩu	-	528.781.800	528.781.800	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	39.969.396.039	29.675.744.959	34.860.668.624	(4.570.127.466)	30.214.344.908
Các loại thuế khác	14.789.840.641	16.517.691.575	17.019.913.230	(3.272.759.112)	11.014.859.874
Thuế môn bài	-	10.000.000	10.000.000	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.764.788.310	3.025.064.506	6.318.791.070	(1.322.165.956)	4.148.895.790
Thuế khác	6.025.052.331	13.482.627.069	10.691.122.160	(1.950.593.156)	6.865.964.084
Các khoản phải nộp khác	15.734.306.890	6.475.812.645	2.988.665.413	(3.166.236.063)	16.055.218.059
Nộp khác	15.734.306.890	6.475.812.645	2.988.665.413	(3.166.236.063)	16.055.218.059
Cộng	265.323.449.898	848.644.183.631	896.280.491.030	(19.340.934.864)	198.346.207.635

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	149.962.512.636	382.913.043.300	118.368.635.570	10.500.111.196	661.744.302.702
Tăng trong năm	339.740.000	23.684.183.637	9.181.615.363	832.350.002	34.037.889.002
Tăng do mua sắm	65.780.000	23.684.183.637	9.085.615.363	766.168.184	33.601.747.184
Tăng khác	273.960.000	-	96.000.000	66.181.818	436.141.818
Giảm trong năm	(12.853.284.981)	(37.358.692.240)	(30.209.819.883)	(1.253.029.940)	(81.674.827.044)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.529.292.560)	-	(4.529.292.560)
Giảm khác	-	(414.545.444)	-	-	(414.545.444)
Giảm do thoái vốn	(12.853.284.981)	(36.944.146.796)	(25.680.527.323)	(1.253.029.940)	(76.730.989.040)
Tại ngày 31/12/2015	137.448.967.655	369.238.534.697	97.340.431.050	10.079.431.258	614.107.364.660
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	73.499.673.839	272.368.115.027	79.854.253.898	7.990.341.269	433.712.384.033
Tăng trong năm	9.129.989.316	28.447.252.052	11.439.761.842	1.093.668.277	50.110.671.487
Khấu hao trong năm	9.129.989.316	28.447.252.052	11.439.761.842	1.093.668.277	50.110.671.487
Giảm trong năm	(8.137.346.915)	(29.584.947.988)	(23.795.340.858)	(1.028.965.981)	(62.546.601.742)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.635.912.767)	-	(3.635.912.767)
Giảm khác	-	(198.206.055)	-	-	(198.206.055)
Giảm do thoái vốn	(8.137.346.915)	(29.386.741.933)	(20.159.428.091)	(1.028.965.981)	(58.712.482.920)
Tại ngày 31/12/2015	74.492.316.240	271.230.419.091	67.498.674.882	8.055.043.565	421.276.453.778
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	62.956.651.415	98.008.115.606	29.841.756.168	2.024.387.693	192.830.910.882
Tại ngày 31/12/2014	76.462.838.797	110.544.928.273	38.514.381.672	2.509.769.927	228.031.918.669

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 184.030.647.218 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 131.196.340.418 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 23 và 25, Tổng Công ty đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty với giá trị còn lại tối thiểu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 36.195.892.298 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 21.338.133.205 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	14.710.135.968	758.254.000	15.468.389.968
Tại ngày 31/12/2015	<u>14.710.135.968</u>	<u>758.254.000</u>	<u>15.468.389.968</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	881.075.888	758.254.000	1.639.329.888
Khấu hao trong năm	300.938.635	-	300.938.635
Tại ngày 31/12/2015	<u>1.182.014.523</u>	<u>758.254.000</u>	<u>1.940.268.523</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	<u>13.528.121.445</u>	-	<u>13.528.121.445</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>13.829.060.080</u>	-	<u>13.829.060.080</u>

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

STT Công ty liên kết	Giá gốc	Tăng/(giảm) do biến động tài sản thuần		Giá trị đầu tư
	khoản đầu tư VND	2014 VND	2015 VND	theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
1 Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình I	4.900.000.000	-	(4.900.000.000)	-
2 Công ty Cổ phần, Phát triển Đầu tư và Xây dựng 115 - Cienco I	1.263.234.000	(34.943.592)	(483.370.430)	744.919.978
3 Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu và Xây dựng Công trình 119 - Cienco I	586.812.929	-	(586.812.929)	-
4 Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Thương mại 124	7.200.000.000	(12.865.209.100)	5.665.209.100	-
5 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 125	1.715.000.000	11.446.660.243	(13.161.660.243)	-
6 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 128 - Cienco I	6.214.309.449	(134.230.945)	(93.001.459)	5.987.077.045
7 Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 15 - Cienco I	4.500.000.000	-	(4.500.000.000)	-
8 Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì	45.532.400.000	-	(903.195.142)	44.629.204.858
9 Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	49.400.000.000	-	(915.076.586)	48.484.923.414
10 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - Cienco I (CIC)	2.350.000.000	-	(690.268.546)	1.659.731.454
11 Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình I	2.770.727.287	(56.572.729)	(60.125.355)	2.654.029.203
12 Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Việt Nam	2.641.303.364	249.939.222	87.244.014	2.978.486.600
13 Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	40.000.000.000	-	163.213.462	40.163.213.462
14 Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu và Xây dựng Công trình I	2.571.000.000	-	(1.654.720.192)	916.279.808
15 Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn	57.494.028.490	(6.827.343.134)	(50.666.685.356)	-
16 Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông I - Cienco I	1.809.942.987	533.423.164	29.040.874	2.372.407.025
	<u>230.948.758.506</u>	<u>(7.688.276.871)</u>	<u>(72.670.208.788)</u>	<u>150.590.272.847</u>

Tình hình hoạt động của các Công ty liên kết trong năm như sau:

Tình hình hoạt động của các Công ty liên kết trong năm	2015			2014		
	Doanh thu	Chi phí	Lợi nhuận sau thuế	Doanh thu	Chi phí	Lợi nhuận sau thuế
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	851.755.797.034	866.344.701.393	(14.588.904.359)	185.657.964.451	214.431.540.351	(28.773.575.900)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ (*)	148.172.580.000	-	49.032.000.000	-
Công ty Cổ phần BOT Bạch Đằng (*)	80.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH BOT Đường tránh Thanh Hoá (*)	21.050.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Hall Brothers International	6.900.649.188	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 134	5.823.411.406	-	5.823.411.406	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Giao thông 1	5.348.575.013	-	5.348.575.013	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ Tầng Anphanam	4.025.905.831	-	4.025.905.831	-
Các khoản đầu tư dài hạn khác	30.000.000	-	383.984.408	-
	271.351.121.438	-	64.613.876.658	-

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, do các đơn vị nhận vốn đầu tư của Tổng Công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Tổng Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

(*) Các khoản đầu tư vào các công ty hoạt động theo hình thức BOT (Xây dựng - vận hành - chuyển giao) các công trình đường bộ của Tổng Công ty được đánh giá theo kế hoạch đầu tư, xây dựng và vận hành dựa trên giấy phép hoạt động tại các dự án giao thông mà các Công ty này tham gia đầu tư. Việc chuyển giao cho các đơn vị chủ quản sẽ được thực hiện sau thời gian cam kết trong giấy phép đầu tư dự án.

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Hassyu Việt Nam	77.109.081.092	77.109.081.092	-	-
Công ty Cổ phần Cầu 14	73.267.036.439	73.267.036.439	112.232.964.652	112.232.964.652
Công ty TNHH Thương mại Thành An	45.247.421.000	45.247.421.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Đức Hiền	42.946.492.662	42.946.492.662	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	36.034.128.270	36.034.128.270	-	-
Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường ADCO	33.333.994.220	33.333.994.220	33.626.042.220	33.626.042.220
Các đối tượng khác	1.555.365.930.178	1.555.365.930.178	1.322.336.006.255	1.322.336.006.255
	1.863.304.083.861	1.863.304.083.861	1.468.195.013.127	1.468.195.013.127
Phải trả người bán các bên liên quan (Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 39)	2.463.918.682	2.463.918.682	7.169.169.444	7.169.169.444

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Ban quản lý dự án đường nối Thành phố Hạ Long với cầu Bạch Đằng	132.123.899.926	81.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT cầu Bạch Đằng	59.984.092.100	-
Liên danh China Road & Bridge Corporation - Công ty Vinaconex E&C - Cầu Cao Lãnh	29.870.335.777	33.405.637.581
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV - Gói 7 (Đà Nẵng - Quảng Ngãi)	25.409.137.372	74.813.599.960
Liên danh Công ty GS - Công ty Hanshin - Cầu Vàm Cống	-	394.188.926.307
Công ty Cổ phần BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	3.731.183.950	104.382.774.192
Các đối tượng khác	320.048.303.073	685.019.834.165
	<u>571.166.952.198</u>	<u>1.372.810.772.205</u>
Người mua trả tiền trước các bên liên quan (Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 39)	79.667.957.954	131.711.127.186

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả về hợp đồng xây dựng	125.925.000.404	75.034.150.855
Chi phí lãi vay phải trả	16.533.999.616	22.151.447.520
Phí bảo lãnh ngân hàng	3.363.781.537	14.004.275.387
Các chi phí phải trả khác	9.257.457.629	10.333.375.164
	<u>155.080.239.186</u>	<u>121.523.248.926</u>

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Phải trả tổ đội thi công	133.413.858.935	150.529.979.544
Phải trả về xây dựng khách sạn Sơn La (ii)	62.442.476.156	59.377.009.156
Phải trả cơ quan bảo hiểm, kinh phí công đoàn	45.921.886.984	45.314.263.739
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16.344.345.756	19.695.828.771
Phải trả về cổ phần hóa (i)	18.613.286.330	18.198.556.166
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	36.360.232.704	53.321.756.949
	<u>313.096.086.865</u>	<u>346.437.394.325</u>
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	14.877.699.500	25.832.182.000
Các khoản khác	4.129.443.389	6.012.961.470
	<u>19.007.142.889</u>	<u>31.845.143.470</u>

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. PHẢI TRẢ KHÁC (Tiếp theo)**

- (i) Phản ánh số tiền còn phải nộp Ngân sách Nhà nước liên quan đến cổ phần hóa Tổng Công ty
- (ii) Phản ánh số tiền mà Tổng Công ty đã nhận từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La liên quan đến việc mua lại diện tích tăng hầm và 5 mặt sàn tại Dự án Khách sạn Sơn La.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ			Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	301.836.067.310	301.836.067.310	696.409.280.608	734.334.438.732	263.910.909.186	263.910.909.186
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 25)	-	-	10.055.235.000	-	10.055.235.000	10.055.235.000
Cộng	301.836.067.310	301.836.067.310	706.464.515.608	734.334.438.732	273.966.144.186	273.966.144.186

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	263.910.909.186	301.836.067.310
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (i)	43.797.445.884	45.284.617.622
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	58.025.834.290	49.969.197.174
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (i)	33.346.724.168	75.099.547.021
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (i)	10.289.319.121	9.060.536.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (i)	-	5.265.704.001
Ngân hàng TMC Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	31.916.319.622	19.321.190.693
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	81.788.434.422	70.561.870.070
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	-	2.791.117.406
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (i)	-	722.711.000
Vay cá nhân và vay khác (ii)	4.746.831.679	23.759.576.323
Vay và Nợ dài hạn đến hạn trả	10.055.235.000	-
	273.966.144.186	301.836.067.310

- (i) Bao gồm các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản, thiết bị máy móc cầm cố thế chấp, tài khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu, quyền đòi nợ và các nguồn thu hợp pháp từ các dự án của Tổng Công ty. Các khoản vay có thời gian vay đến 12 tháng và lãi suất vay dao động từ 6%/năm đến 7%/năm.

- (ii) Các khoản vay cá nhân, vay khác có thời hạn dưới 12 tháng không có tài sản bảo đảm, lãi suất vay dao động từ 10%/năm đến 11%/năm.

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Dự phòng phải trả phản ánh dự phòng bảo hành các công trình xây lắp được Tổng Công ty trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Mức trích lập dự phòng bảo hành công trình được xác định theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về nghĩa vụ bảo hành có thể phát sinh cho từng dự án hoàn thành nhưng không vượt quá 5% doanh thu lũy kế của dự án đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị VND	trả nợ VND			Giá trị VND	trả nợ VND
Vay dài hạn	18.942.473.186	18.942.473.186	237.007.133.257	6.323.868.186	249.625.738.257	249.625.738.257
Cộng	18.942.473.186	18.942.473.186	237.007.133.257	6.323.868.186	249.625.738.257	249.625.738.257
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng					10.055.235.000	
Số phải trả sau 12 tháng	18.942.473.186				239.570.503.257	

Chi tiết các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (i)	129.568.059.217	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (ii)	7.042.680.000	9.390.240.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm (iii)	14.631.745.000	8.641.500.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (iv)	85.309.636.040	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Long Biên (v)	12.415.618.000	-
Vay dài hạn cá nhân và vay khác	658.000.000	910.733.186
	249.625.738.257	18.942.473.186

- (i) Ngày 18 tháng 4 năm 2015, Tổng Công ty ký hợp đồng tín dụng trung hạn với Ngân hàng TMCP Đông Nam Á với số tiền 160.000.000.000 VND để phục vụ đầu tư Dự án “Xây dựng Cầu Rạch Chiếc trên Đường vành đai phía đông Quận 9, TP Hồ Chí Minh”. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần và được hoàn trả trong tối đa 42 tháng bắt đầu từ ngày 04 tháng 02 năm 2015, ngày phát lệnh khởi công công trình. Khoản vay được bảo đảm bằng nguồn thu của Tổng Công ty tại dự án này.
- (ii) Các khoản vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 01/2013/HĐTDTDH-PN/SHB.HN-BT ngày 08 tháng 10 năm 2013, số tiền vay theo hợp đồng là 3.033.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, lãi suất vay trong hạn theo khế ước nhận nợ, điều chỉnh 03 tháng/lần. Khoản vay được sử dụng với mục đích mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh.

Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 02/2013/HĐTDTDH-PN/SHB.HN-BT ngày 14 tháng 11 năm 2013, số tiền vay theo hợp đồng là 8.704.800.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, lãi suất vay trong hạn theo khế ước nhận nợ, điều chỉnh 03 tháng/lần. Khoản vay được sử dụng với mục đích mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh.

Tài sản đảm bảo của hai khoản vay là hợp đồng tiền gửi của Tổng Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng tiền gửi số 08102013/SHB-Cienco 1 với số tiền là 21.400.000.000 VND và toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Giá trị còn lại của tài sản cố định sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 7.417.954.545 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 9.954.405.302 VND).

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (iii) Các khoản vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo các hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 597.14.057.877888.TD ký ngày 26 tháng 6 năm 2014. Khoản vay có hạn mức tín dụng được cấp là 25.000.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất của khoản vay là lãi suất thả nổi, quy định tại mỗi giấy nhận nợ. Mục đích khoản vay nhằm thực hiện phát hành bảo lãnh thanh toán và tài trợ một phần chi phí mua mới thiết bị thi công phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 358.15.057.877888.TD ký ngày 06 tháng 5 năm 2015. Số tiền tín dụng được cấp là 380.000 USD (quy đổi VND tại thời điểm giải ngân, đồng tiền giải ngân là VND). Lãi suất của khoản vay là lãi suất thả nổi, quy định tại mỗi giấy nhận nợ. Mục đích khoản vay nhằm phát hành L/C kèm cho vay trung hạn thanh toán L/C để thực hiện phương án đầu tư Ván khuôn leo nhập khẩu từ Hàn Quốc theo hợp đồng mua bán ngày 10 tháng 4 năm 2015 ký giữa Chungdo Steel Co., Ltd và Công ty Thi công Cơ giới I.

Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc thiết bị của Tổng Công ty với giá trị còn lại của tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 9.878.822.602 VND (31 tháng 12 năm 2014: 11.383.727.903 VND).

- (iv) Ngày 09 tháng 10 năm 2015, Tổng Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung hạn số 12215/360/TDTH với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt. Khoản vay có hạn mức tín dụng được cấp là 120.000.000.000 VND. Khoản vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần. Mục đích của khoản vay là tài trợ và phát hành bảo lãnh thanh toán để thực hiện gói thầu số 6 "Xây dựng cầu Hòa Trung". Khoản vay được bảo đảm bằng nguồn thu của Tổng Công ty tại dự án này.
- (v) Vay trung hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Long Biên tại Công ty Cổ phần Cầu 12 - Công ty con, theo Hợp đồng tín dụng số 26076.15.053.33552 ký ngày 17 tháng 8 năm 2015 với giá trị hạn mức tín dụng là 14.921.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay sử dụng nhằm mục đích phát hành bảo lãnh thanh toán, cấp tín dụng trung hạn cho Công ty đầu tư và máy móc thiết bị tăng năng lực thi công. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi được quy định tại từng văn bản nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 02 chiếc cần cầu tháp DAHAN DH 7027, hệ thống vận thăng lồng chở người và vật liệu Model VPV100, và hệ thống cốp pha leo thủy lực. Giá trị còn lại của tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 18.899.115.151 VND.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	10.055.235.000	-
Trong năm thứ hai	34.364.149.010	4.195.560.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	75.638.295.030	14.746.913.186
	120.057.679.040	18.942.473.186
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	10.055.235.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	110.002.444.040	18.942.473.186
Khoản vay dài hạn chưa có lịch trả nợ cụ thể	129.568.059.217	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (*)	129.568.059.217	-

- (*) Lịch thanh toán của khoản vay phụ thuộc vào nguồn phải thu từ dự án. Do đó, khoản vay không có lịch trả nợ cụ thể trong suốt quá trình vay (Chi tiết thông tin về khoản vay được trình bày tại mục (i)). Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khoản vay này có lịch thanh toán dài hạn; do đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định trình bày khoản vay này trên khoản mục "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn".

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 06/6/2014	700.000.000.000	-	-	-	-	-	114.016.075.699	814.016.075.699
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	94.146.065.924	6.325.317.785	100.471.383.709
Trích quỹ	-	-	4.228.055.870	4.228.055.870	1.691.222.348	(14.375.389.958)	9.456.671.015	5.228.615.145
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	(122.523.257)	-	-	(57.687.948.590)	(57.810.471.847)
Số dư tại ngày 31/12/2014 (Trình bày lại)	700.000.000.000	-	4.228.055.870	4.105.532.613	1.691.222.348	79.770.675.966	72.110.115.909	861.905.602.706
Trình bày lại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	-	-	4.105.532.613	(4.105.532.613)	-	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	700.000.000.000	-	8.333.588.483	-	1.691.222.348	79.770.675.966	72.110.115.909	861.905.602.706
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	76.754.787.227	11.939.253.682	88.694.040.909
Chia cổ tức bằng tiền mặt (i)	-	-	-	-	-	(70.000.000.000)	(4.038.928.000)	(74.038.928.000)
Trích quỹ trong năm	-	-	600.552.081	-	215.436.490	(1.572.257.030)	(640.117.999)	(1.396.386.458)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(760.500.000)	-	-	(760.500.000)
Giảm do Công ty mẹ thoái vốn	-	-	(3.717.969.853)	-	-	(3.503.214.496)	(24.410.828.094)	(31.632.012.443)
Tăng/(giảm) khác	-	100.519.210	8.030.884.701	-	1.029.206.693	(8.845.571.810)	(334.811.371)	(19.772.577)
Số dư tại ngày 31/12/2015	700.000.000.000	100.519.210	13.247.055.412	-	2.175.365.531	72.604.419.857	54.624.684.127	842.752.044.137

- (i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2015 số 0161/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 5 năm 2015 của Tổng Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2015 của các Công ty con về việc phân phối lợi nhuận năm 2014, Tổng Công ty đã tiến hành chia cổ tức năm 2014 bằng tiền mặt với số tiền 74.038.928.000 VND.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CPSố 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Cổ phiếu**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
+) Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
+) Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa và xác định phần vốn Nhà nước tại ngày 06 tháng 6 năm 2014 do chưa có quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100104274 và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 700.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%
Bộ Giao thông Vận tải	-	-	24.500.000	35
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình Ngầm Fecon	7.000.000	10	7.000.000	10
Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	4.767.694	7	4.737.914	7
Công ty Cổ phần Máy Xây dựng Hassyu	-	-	7.700.000	11
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Yên Khánh	20.003.534	29	12.303.534	18
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	17.213.552	25	1.853.552	3
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	6.990.000	10	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An	4.900.000	7	-	-
Các cổ đông khác	9.125.220	12	11.905.000	16
	70.000.000	100	70.000.000	100

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Đô la Mỹ (USD)	101.928	9.921
Yên Nhật (JPY)	10.348.674	7.699.181

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.933.129.132.447	1.982.847.230.640
Chi phí nhân công	570.694.526.618	554.025.970.077
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.411.610.122	51.495.240.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.069.516.161.906	3.390.846.928.540
Chi phí khác bằng tiền	123.158.504.977	218.343.530.408
	<u>5.746.909.936.070</u>	<u>6.443.293.188.195</u>

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.890.564.459	26.683.588.462
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.936.740.000	10.065.993.486
Lãi chênh lệch tỷ giá	28.188.200.214	3.280.316.941
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	22.502.299.129	29.819.782.285
Doanh thu hoạt động tài chính khác	16.367.902	2.878.739.200
	<u>71.534.171.704</u>	<u>72.728.420.374</u>

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	36.840.203.085	33.938.095.451
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	1.995.256.496	9.785.458.262
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.348.949.987	7.483.437.560
Chi phí tài chính khác	3.806.231.358	2.834.664.075
	<u>46.990.640.926</u>	<u>54.041.655.348</u>

34. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Chi phí lương và khoản trích theo lương	107.595.195.657	108.703.240.046
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.785.257.892	11.347.958.137
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	16.254.223.171	2.946.993.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	89.091.005.542	121.157.874.276
	<u>225.725.682.262</u>	<u>244.156.066.348</u>



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***35. LỖ KHÁC**

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Thu nhập khác	17.481.960.294	31.714.017.371
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	8.753.030.099	-
Các khoản khác	8.728.930.195	31.714.017.371
Chi phí khác	23.044.262.858	37.126.006.893
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	133.987.716
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(690.842.422)	(690.646.908)
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	690.842.422	824.634.624
Các khoản phạt vi phạm hợp đồng	10.965.179.738	4.695.271.083
Các khoản khác	12.079.083.120	32.296.748.094
	(5.562.302.564)	(5.411.989.522)

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
		Trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	76.754.787.227	91.685.738.290
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	-	(756.268.459)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	76.754.787.227	90.929.469.831
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (Cổ phiếu)	70.000.000	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	1.096	1.299

37. CÁC KHOẢN CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Công ty mẹ Tổng Công ty cam kết góp vốn thành lập Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì với số tiền 53.000.000.000 VND, chiếm 20% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty mẹ Tổng Công ty đã góp 45.532.400.000 VND.

Công ty mẹ Tổng Công ty cam kết góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC với số tiền 92.250.000.000 VND, chiếm 25% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty mẹ Tổng Công ty đã góp 40.000.000.000 VND.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 23 và 25 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay	513.536.647.443	320.778.540.496
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	311.945.632.907	846.678.829.415
Nợ thuần	201.591.014.536	-
Vốn chủ sở hữu	842.752.044.137	861.905.602.706
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,24	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	311.945.632.907	846.678.829.415
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.818.679.809	181.694.857.382
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.901.182.310.774	1.528.114.187.406
Phải thu về cho vay ngắn hạn	50.000.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	271.351.121.438	66.033.876.658
Tổng cộng	2.558.297.744.928	2.622.521.750.861

Công nợ tài chính

Các khoản vay	513.536.647.443	320.778.540.496
Phải trả người bán và phải trả khác	2.149.485.426.631	1.801.163.287.183
Chi phí phải trả	155.080.239.186	121.523.248.926
Tổng cộng	2.818.102.313.260	2.243.465.076.605

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	17.699.999.300	23.994.601.820
Yên Nhật (JPY)	-	-	4.081.102.217	1.401.744.437
Won Hàn Quốc (KRW)	-	-	148.186.146.187	6.608.937.346

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Won Hàn Quốc.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2015
	VND
Đô la Mỹ (USD)	884.999.965
Yên Nhật (JPY)	204.055.111
Won Hàn Quốc (KRW)	7.409.307.309

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/ tăng 10.270.732.949 VND.

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
		VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015		
VND	+200	(10.270.732.949)
VND	-200	10.270.732.949
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	+200	(6.415.570.810)
VND	-200	6.415.570.810

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan và các khách hàng có số dư phải thu lớn. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan và khách hàng lớn như trình bày tại Thuyết minh số 7.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	311.945.632.907	-	311.945.632.907
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.818.679.809	-	23.818.679.809
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.900.616.979.074	565.331.700	1.901.182.310.774
Phải thu về cho vay ngắn hạn	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	271.351.121.438	271.351.121.438
Tổng cộng	2.286.381.291.790	271.916.453.138	2.558.297.744.928
Các khoản vay	273.966.144.186	239.570.503.257	513.536.647.443
Phải trả người bán và phải trả khác	2.130.478.283.742	19.007.142.889	2.149.485.426.631
Chi phí phải trả	155.080.239.186	-	155.080.239.186
Tổng cộng	2.559.524.667.114	258.577.646.146	2.818.102.313.260
Chênh lệch thanh khoản thuần	(273.143.375.324)	13.338.806.992	(259.804.568.332)
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	846.678.829.415	-	846.678.829.415
Đầu tư tài chính ngắn hạn	181.694.857.382	-	181.694.857.382
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.526.124.804.365	1.989.383.041	1.528.114.187.406
Đầu tư tài chính dài hạn	-	66.033.876.658	66.033.876.658
Tổng cộng	2.554.498.491.162	68.023.259.699	2.622.521.750.861
Các khoản vay	301.836.067.310	18.942.473.186	320.778.540.496
Phải trả người bán và phải trả khác	1.769.318.143.713	31.845.143.470	1.801.163.287.183
Chi phí phải trả	121.523.248.926	-	121.523.248.926
Tổng cộng	2.192.677.459.949	50.787.616.656	2.243.465.076.605
Chênh lệch thanh khoản thuần	361.821.031.213	17.235.643.043	379.056.674.256

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức kiểm soát được. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty và các công ty con có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn bằng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và các khoản hỗ trợ tài chính bằng các khoản vay từ ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Yên Khánh	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình Ngầm Fecon	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	Cổ đông lớn
Các công ty còn lại khác như trình bày tại Thuyết minh số 1 - Thông tin khái quát	Công ty liên kết

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	247.564.108.864	301.751.892.054
Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì	176.045.783.616	190.574.381.144
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	8.107.439.091	111.177.510.910
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - Cienco 1 (CIC)	440.996.603	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng 121 - Cienco 1	80.241.970	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	53.868.935.844	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 15 - Cienco 1	544.024.246	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 125	65.400.000	-
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	6.572.465.855	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Yên Khánh	1.838.821.639	-
Mua hàng hóa và dịch vụ cung cấp	114.396.027.547	6.256.111.461
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 125	15.650.987.242	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 1	23.128.377.228	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - Cienco 1 (CIC)	30.728.078.133	6.256.111.461
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 15 - Cienco 1	6.453.322.288	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Cienco 1	1.750.514.535	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Thương mại 124	430.000.000	-
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	36.254.748.121	-
Góp vốn đầu tư	12.419.800.000	54.683.327.287
Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì	6.644.800.000	17.687.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	5.775.000.000	34.225.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình 1	-	2.770.727.287
Thu nhập cổ tức	831.740.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Việt Nam	129.500.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Cienco 1	296.240.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Giao thông 1	406.000.000	-
Chia cổ tức	50.445.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Yên Khánh	24.903.534.000	-
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	13.753.552.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình Ngầm Fecon	3.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	4.737.914.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	3.550.000.000	-
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc - Công ty mẹ Tổng Công ty	3.877.990.048	2.176.000.000

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:*

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng	19.979.429.094	5.164.469.146
Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì	12.078.723.448	-
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	5.577.809.091	2.865.572.591
Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn	2.298.896.555	2.298.896.555
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	24.000.000	-
Người mua trả tiền trước	79.667.957.954	131.711.127.186
Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì	-	131.489.264.686
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	73.739.898.723	-
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	5.928.059.231	221.862.500
Các khoản phải trả người bán	2.463.918.682	7.169.169.444
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình I	-	61.313.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Việt Nam	-	195.574.025
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình Ngầm Fecon	2.463.918.682	6.912.282.419
Trả trước cho người bán	21.996.012.932	33.656.844.776
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - Cienco I (CIC)	-	7.475.040.260
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình I	1.297.813.223	1.088.007.271
Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn	13.307.691.690	13.307.691.690
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	7.390.508.019	11.786.105.555

40. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 09 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt Nghị quyết số 0428/QĐ-HĐQT về việc thoái toàn bộ vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần xây dựng Đường bộ 248 - Cienco I ("Công ty 248") - Công ty con của Tổng Công ty. Ngày 22 tháng 01 năm 2016, Tổng Công ty đã hoàn thành việc bán số cổ phần đang sở hữu tại Công ty 248 cho nhà đầu tư theo phương thức thỏa thuận trực tiếp.

Theo Công văn số 056/TCT-HĐQT ngày 15 tháng 01 năm 2016, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức 2015 cho cổ đông với giá trị 800 VND/cổ phiếu và sẽ chia cho các cổ đông từ ngày 20 tháng 01 năm 2016. Tổng Công ty chưa hạch toán khoản cổ tức được chia này vào báo cáo tài chính hợp nhất năm nay. Mức cổ tức đề xuất sẽ được thanh toán cho các cổ đông theo Sổ Đăng ký thành viên tại ngày 15 tháng 01 năm 2016, tổng số cổ tức sẽ trả ước tính khoảng 56.000.000.000 VND.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.

Tổng Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần từ ngày 06 tháng 6 năm 2014. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để phục vụ cho mục đích cung cấp thêm thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong một năm tài chính.

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của năm nay. Cụ thể như sau:

HA
E
HA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

41. SỔ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014 (VND)	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014 (VND)	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT						
I. Tài sản			I. Tài sản			
1. Đầu tư ngắn hạn	121	181.694.857.382	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	181.694.857.382	Đổi tên
2. Phải thu khách hàng	131	1.498.420.914.295	2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.498.420.914.295	Đổi tên
3. Trả trước cho người bán	132	485.060.332.800	3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	485.060.332.800	Đổi tên
4. Các khoản phải thu khác	135	144.509.745.193	4. Phải thu ngắn hạn khác	136	292.627.966.888	Phân loại lại và đổi tên
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	148.118.221.695	5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	Phân loại lại và đổi tên
6. Phải thu dài hạn khác	218	-	6. Phải thu dài hạn khác	216	1.884.696.041	Phân loại lại và đổi tên
7. Tài sản dài hạn khác	268	1.884.696.041	7. Tài sản dài hạn khác	268	-	Phân loại lại
8. Đầu tư dài hạn khác	258	66.033.876.658	8. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	64.613.876.658	Phân loại lại
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>	-	-	9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	1.420.000.000	Phân loại lại
II. Nguồn vốn			II. Nguồn vốn			
1. Phải trả người bán	312	1.468.195.013.127	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	1.468.195.013.127	Đổi tên
2. Người mua trả tiền trước	313	1.372.810.772.205	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.372.810.772.205	Đổi tên
3. Chi phí phải trả	316	198.761.255.911	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	121.523.248.926	Phân loại lại và đổi tên
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	346.437.394.325	4. Phải trả ngắn hạn khác	319	346.437.394.325	Đổi tên
5. Doanh thu chưa thực hiện	338	1.298.281.578	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	1.298.281.578	Bổ sung khoản mục mới
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	1.415.476.760	6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	39.032.872.114	Phân loại lại
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	7. Dự phòng phải trả dài hạn	342	39.620.611.631	Phân loại lại
8. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	700.000.000.000	8. Vốn góp của chủ sở hữu	411	700.000.000.000	Đổi tên
9. Quỹ đầu tư phát triển	417	4.228.055.870	9. Quỹ đầu tư phát triển	418	8.333.588.483	Phân loại lại và đổi tên
10. Quỹ dự phòng tài chính	418	4.105.532.613	<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>	-	-	Phân loại lại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

41. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	Năm 2014 (VND)	Tên chỉ tiêu	Mã số	Năm 2014 (VND)	
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT						
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.822.972.390.655	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.845.869.756.599	Phân loại lại
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	5.462.111.681.037	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	5.474.387.460.229	Phân loại lại
3. Thu nhập khác	31	54.611.383.315	3. Thu nhập khác	31	31.714.017.371	Phân loại lại
4. Chi phí khác	32	49.401.786.085	4. Chi phí khác	32	37.126.006.893	Phân loại lại
5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.310	5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.299	Trình bày lại

Nguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập biểu

Ngày 05 tháng 5 năm 2016

Võ Thành Công
Kế toán trưởng



Quách Bá Vương
Tổng Giám đốc